

Tiểu mục 3

ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG LẤN TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Điều 94. Áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời

1. Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi Cơ quan điều tra gửi kết luận điều tra sơ bộ, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời.

2. Quyết định áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời gồm các nội dung sau:

a) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời trong đó bao gồm tên khoa học, tên thương mại, tên thường gọi; thành phần; các đặc tính vật lý, hóa học cơ bản; quy trình sản xuất; tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc tế và Việt Nam; mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

b) Tên và các thông tin cần thiết khác của các nhà sản xuất, xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời.

c) Tên nước sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị áp dụng biện pháp biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời.

d) Kết luận sơ bộ cho thấy sự cần thiết phải áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời.

đ) Thuế chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời.

e) Hiệu lực và thời hạn áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời.

g) Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời.

3. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời, biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực sẽ được mở rộng áp dụng đối với hàng hoá của các nhà sản xuất, xuất khẩu được quy định tại Điều 81 Nghị định này khi xác định có việc lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

4. Thời hạn áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời chấm dứt khi biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức có hiệu lực hoặc khi biện pháp phòng vệ thương mại ban đầu hết hiệu lực.

5. Mức thuế chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời được áp dụng theo mức thuế áp dụng cho tất cả nhà sản xuất, xuất khẩu khác của từng nước hoặc vùng lãnh thổ trong vụ việc điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại ban đầu.

Điều 95. Áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức

1. Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi Cơ quan điều tra gửi kết luận cuối cùng, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức.

2. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức, quyết định áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức gồm các nội dung sau:

a) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức trong đó bao gồm tên khoa học, tên thương mại, tên thường gọi; thành phần; các đặc tính vật lý, hóa học cơ bản; quy trình sản xuất; tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc tế và Việt Nam (nếu có); mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

b) Tên và các thông tin cần thiết khác của các nhà sản xuất, xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức.

c) Tên nước sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức.

d) Kết luận chính thức cho thấy sự cần thiết phải áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức.

đ) Biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức.

e) Hiệu lực và thời hạn áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức.

g) Mức chênh lệch về thuế phải hoàn trả nếu có.

h) Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức.

3. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định không áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức và chấm dứt điều tra vụ việc chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, quyết định không áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và chấm dứt điều tra vụ việc chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại gồm các nội dung sau:

a) Mô tả hàng hóa nhập khẩu không bị áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức và được chấm dứt điều tra áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, trong đó bao gồm tên khoa học, tên thương mại, tên thường gọi; thành phần; các đặc tính vật lý, hóa học cơ bản; quy trình sản xuất; tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc tế và Việt Nam (nếu có); mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

b) Tên và các thông tin cần thiết khác của các nhà sản xuất, xuất khẩu hàng hóa không bị áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức và được chấm dứt điều tra áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

c) Tên nước sản xuất, xuất khẩu hàng hóa không bị áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức và được chấm dứt điều tra áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

d) Kết luận chính thức cho thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức.

đ) Hướng dẫn về hoàn trả thuế chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời nếu có.

4. Trường hợp quyết định áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức, biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực sẽ được mở rộng áp dụng đối với hàng hoá của các nhà sản xuất, xuất khẩu được quy định tại Điều 81 Nghị định này khi xác định có việc lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

5. Thời hạn áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại chính thức chấm dứt khi biện pháp phòng vệ thương mại ban đầu hết hiệu lực.

6. Thời hạn áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại được gia hạn theo thời hạn của biện pháp phòng vệ thương mại ban đầu đã được gia hạn.

7. Mức thuế áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại được áp dụng theo mức thuế áp dụng cho tất cả nhà sản xuất, xuất khẩu khác của từng nước hoặc vùng lãnh thổ trong vụ việc điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại ban đầu.

8. Việc hoàn trả thuế đối với biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 68 của Luật Quản lý ngoại thương.

Điều 96. Quy trình giám sát việc thực thi áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

1. Sau khi có quyết định áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, định kỳ 06 tháng trong thời hạn áp dụng biện pháp, các nhà sản xuất, xuất khẩu không bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương phải thông báo tới Cơ quan điều tra về tình hình sản xuất, xuất khẩu hàng hóa sang Việt Nam.

2. Tài liệu thông báo đối với hàng hóa của các nhà sản xuất, xuất khẩu không bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương gồm:

a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa thể hiện tiêu chí xuất xứ rõ ràng theo yêu cầu của Bộ Công Thương;

b) Giấy chứng nhận của nhà sản xuất, xuất khẩu cho việc nhập khẩu từng lô hàng vào lãnh thổ Việt Nam theo đúng mẫu giấy chứng nhận của nhà sản xuất, xuất khẩu đã thông báo tới Cơ quan điều tra trước khi biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại có hiệu lực. Trong trường hợp có sự thay đổi mẫu giấy chứng nhận, nhà sản xuất, xuất khẩu phải thông báo tới Cơ quan điều tra và Cơ quan hải quan trước 15 ngày làm thủ tục thông quan lô hàng.

3. Trường hợp cần thiết để đối chiếu và xác minh các tài liệu trong hồ sơ nhập khẩu, Cơ quan điều tra và Cơ quan hải quan có quyền yêu cầu nhà sản xuất xuất khẩu gửi giấy chứng nhận của nhà sản xuất, xuất khẩu bản điện tử cho từng lô hàng trước 15 ngày làm thủ tục thông quan lô hàng bằng phương thức điện tử.

4. Khi phát hiện có nghi ngờ hoặc gian lận liên quan tới các giấy chứng nhận nêu tại khoản 2 Điều này, Cơ quan hải quan có quyền xác minh và yêu cầu nhà sản xuất, xuất khẩu chứng minh việc tuân thủ các thông tin, yêu cầu đã ghi trong các giấy chứng nhận được nêu tại khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp nhà sản xuất, xuất khẩu không hợp tác hoặc các thông tin ghi trong giấy chứng nhận cho từng lô hàng được nêu tại khoản 2 Điều này là không chính xác, Cơ quan hải quan có quyền tạm dừng thông quan lô hàng đó hoặc truy thu thuế chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với các lô hàng đã thông quan đồng thời thông báo ngay tới Cơ quan điều tra để tiến hành rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với nhà sản xuất, xuất khẩu đó theo quy định.

6. Trường hợp nhà sản xuất, xuất khẩu không thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan điều tra có quyền kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với nhà sản xuất, xuất khẩu đó theo quy định.

7. Cơ quan điều tra có quyền rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với nhà sản xuất, xuất khẩu ngay khi nhà sản

xuất, xuất khẩu đó không hợp tác hoặc không thông báo theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.

Mục 3

RÀ SOÁT VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG LẤN TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Điều 97. Rà soát việc áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

1. Bên liên quan có thể nộp hồ sơ yêu cầu rà soát việc áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực trong thời gian Cơ quan điều tra tiếp nhận hồ sơ yêu cầu rà soát việc áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định này hoặc trong bất kỳ thời điểm nào sau khi biện pháp tự vệ ban đầu có hiệu lực.

2. Rà soát việc áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại gồm các nội dung sau:

a) Xác định thông tin, số liệu về số lượng, khối lượng của hàng hóa bị áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại nhập khẩu vào Việt Nam kể từ khi biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại được áp dụng;

b) Xác định sự tồn tại của hành vi lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại;

c) Đánh giá việc tiếp tục áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại là cần thiết hoặc không cần thiết để khắc phục hoặc ngăn chặn thiệt hại hoặc sự suy giảm hiệu quả của biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực.

Điều 98. Bên yêu cầu rà soát việc áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

Cá nhân, tổ chức có quyền nộp hồ sơ yêu cầu rà soát việc áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại gồm:

1. Nhà sản xuất trong nước.
2. Nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài.
3. Nhà xuất khẩu mới.
4. Nhà nhập khẩu.
5. Các tổ chức, cá nhân sử dụng hàng hóa nhập khẩu.

Điều 99. Hồ sơ yêu cầu rà soát việc áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

Hồ sơ yêu cầu rà soát việc áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại gồm các thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan sau:

1. Tên, địa chỉ và thông tin cần thiết khác của bên yêu cầu rà soát.
2. Tên, địa chỉ và thông tin khác của bên bị yêu cầu rà soát (nếu có).
3. Thông tin về biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại được yêu cầu rà soát.
4. Các nội dung yêu cầu rà soát cụ thể.
5. Các thông tin, tài liệu khác.

Điều 100. Thẩm định hồ sơ yêu cầu rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

1. Việc xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ yêu cầu rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu rà soát đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan điều tra thẩm định nội dung hồ sơ, gửi Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét quyết định rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

3. Thẩm định nội dung hồ sơ yêu cầu rà soát gồm:

- a) Xác định tư cách của tổ chức, cá nhân.
- b) Xác định thông tin, tài liệu và chứng cứ trong hồ sơ phù hợp với nội dung yêu cầu rà soát.

Điều 101. Quyết định rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại gồm các nội dung sau:

1. Thông tin cơ bản về việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.
2. Cơ sở tiến hành rà soát.
3. Thông tin về các tổ chức, cá nhân yêu cầu rà soát.
4. Các nội dung rà soát cụ thể.
5. Trình tự, thủ tục tiến hành rà soát.

Điều 102. Bản câu hỏi điều tra rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

1. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định rà soát, Cơ quan điều tra gửi bản câu hỏi điều tra rà soát cho các bên liên quan.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản câu hỏi điều tra rà soát, bên nhận được bản câu hỏi phải gửi bản trả lời đầy đủ cho Cơ quan điều tra. Trong trường hợp cần thiết hoặc các bên liên quan có văn bản đề nghị gia hạn với lý do hợp lý, Cơ quan điều tra có thể gia hạn nhưng không quá 30 ngày.

3. Bản câu hỏi điều tra rà soát được coi là được nhận sau 07 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra gửi đi. Ngày gửi được xác định căn cứ theo dấu của bưu điện hoặc ngày Cơ quan điều tra đăng tải công khai bản câu hỏi điều tra rà soát tại cổng thông tin điện tử của Cơ quan điều tra.

Điều 103. Quyết định về kết quả rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

Căn cứ kết luận rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của Cơ quan điều tra, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành một trong các quyết định sau đây:

1. Duy trì việc áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

2. Điều chỉnh đối tượng, phạm vi và hàng hóa bị áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

3. Chấm dứt việc áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

Chương V

XỬ LÝ BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

Điều 104. Nguyên tắc xử lý

1. Hoạt động trợ giúp thương nhân Việt Nam bị nước, vùng lãnh thổ nhập khẩu điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại quy định tại Điều 76 của Luật Quản lý ngoại thương được thực hiện trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của thương nhân Việt Nam, hiệp hội ngành, nghề liên quan.

2. Việc khởi kiện nước, vùng lãnh thổ nhập khẩu quy định tại Điều 108 Nghị định này được Bộ Công Thương thực hiện dựa trên cơ sở thông tin thu thập và sau khi phối hợp, trao đổi các bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khác, báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án khởi kiện.

3. Bộ Tài chính bảo đảm ngân sách cho các hoạt động trợ giúp thương nhân theo quy định tại Điều 76 của Luật Quản lý ngoại thương.

4. Các hoạt động trợ giúp thương nhân Việt Nam theo quy định tại Điều này phải phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 105. Cung cấp thông tin liên quan đến vụ việc

Thông tin cung cấp cho thương nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 của Luật Quản lý ngoại thương là các thông tin được cơ quan có liên quan của nước nhập khẩu công bố hoặc được phép công bố theo các quy định tại Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 106. Hệ thống cảnh báo sớm các vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam

1. Bộ Công Thương xây dựng và vận hành hệ thống cảnh báo sớm khả năng xảy ra vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam để thông tin cho doanh nghiệp, hiệp hội ngành, nghề để phòng, tránh và chuẩn bị ứng phó với các vụ kiện.

2. Bộ Công Thương quy định việc tổ chức và vận hành hệ thống cảnh báo sớm các vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Điều 107. Trao đổi với nước, vùng lãnh thổ nhập khẩu điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam

Việc trao đổi với nước, vùng lãnh thổ nhập khẩu đang điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Luật Quản lý ngoại thương được thực hiện thông qua các hình thức thích hợp do Bộ Công Thương chủ trì, phù hợp quy định pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 108. Khởi kiện nước, vùng lãnh thổ nhập khẩu khi phát hiện có vi phạm Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

1. Trên cơ sở thông tin thu thập hoặc theo đề nghị bằng văn bản của thương nhân Việt Nam, hiệp hội, tổ chức đại diện doanh nghiệp có liên quan, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khác xây dựng phương án khởi kiện theo điểm c, khoản 1 Điều 76 Luật Quản lý ngoại thương trong trường hợp cần thiết, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ gồm:

a) Tờ trình về sự cần thiết, mục đích và căn cứ pháp lý của việc khởi kiện; nội dung phương án và đánh giá tác động của việc khởi kiện;

b) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến tại khoản 3 Điều này;

c) Các văn bản, tài liệu có liên quan khác.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Công Thương, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản về hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong trường hợp không nhận được trả lời đúng thời hạn, Bộ Công Thương căn cứ các thông tin sẵn có hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ.

4. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt phương án khởi kiện trên cơ sở hồ sơ trình của Bộ Công Thương.

5. Bộ Công Thương chủ trì, tiến hành khởi kiện nước, vùng lãnh thổ nhập khẩu điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo quy trình, thủ tục được quy định trong các Điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6. Thương nhân Việt Nam, hiệp hội, tổ chức đại diện doanh nghiệp có liên quan có trách nhiệm phối hợp đầy đủ với Bộ Công Thương trong quá trình khởi kiện nước, vùng lãnh thổ nhập khẩu điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

Điều 109. Hoạt động phối hợp trong trường hợp thương nhân Việt Nam bị nước nhập khẩu điều tra áp dụng biện pháp chống trợ cấp

Trường hợp thương nhân Việt Nam bị nước nhập khẩu điều tra áp dụng biện pháp chống trợ cấp quy định tại khoản 2 Điều 76 của Luật Quản lý ngoại thương, Bộ Công Thương chủ trì xây dựng phương án phối hợp với Cơ quan điều tra của nước ngoài như sau:

1. Thực hiện tham vấn với Cơ quan điều tra nước ngoài về các chương trình trợ cấp bị cáo buộc của Việt Nam.

2. Cung cấp các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Cơ quan điều tra nước ngoài đối với Chính phủ liên quan đến các chương trình trợ cấp bị cáo buộc của Việt Nam theo đề nghị bằng văn bản của thương nhân Việt Nam, hiệp hội, tổ chức đại diện doanh nghiệp có liên quan và trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức làm việc theo đề nghị của cơ quan điều tra nước ngoài trong quá trình điều tra tại chỗ về các chương trình trợ cấp bị cáo buộc của Việt Nam.

4. Thực hiện các hoạt động phù hợp khác.

Điều 110. Xây dựng phương án yêu cầu bồi thường trong trường hợp thương nhân Việt Nam bị nước, vùng lãnh thổ nhập khẩu điều tra áp dụng biện pháp tự vệ

1. Trong trường hợp thương nhân Việt Nam bị nước nhập khẩu điều tra áp dụng biện pháp tự vệ, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng phương án yêu cầu bồi thường trong trường hợp cần thiết, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ gồm:

a) Tờ trình về sự cần thiết, mục đích và căn cứ pháp lý của yêu cầu bồi thường; nội dung phương án và đánh giá tác động của yêu cầu bồi thường;

b) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến tại khoản 3 Điều này;

c) Các văn bản, tài liệu liên quan.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Công Thương, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản về hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong trường hợp không nhận được trả lời đúng thời hạn, Bộ Công Thương căn cứ các thông tin sẵn có hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ.

4. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt phương án yêu cầu bồi thường trên cơ sở hồ sơ trình của Bộ Công Thương.

5. Bộ Công Thương chủ trì, tiến hành tham vấn với cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu về phương án yêu cầu bồi thường đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Trường hợp đạt được thỏa thuận về yêu cầu bồi thường, Bộ Công Thương chủ trì, giám sát việc thực hiện thỏa thuận.

7. Quy trình, thủ tục tiến hành phương án yêu cầu bồi thường thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 111. Xây dựng phương án trả đũa trong trường hợp thương nhân Việt Nam bị nước nhập khẩu điều tra áp dụng biện pháp tự vệ

1. Trường hợp không đạt được thỏa thuận về yêu cầu bồi thường quy định tại khoản 5 Điều 110 Nghị định này, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng phương án trả đũa trong trường hợp cần thiết, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm:

a) Tờ trình về kết quả tham vấn theo quy định tại khoản 5 Điều 110 Nghị định này; sự cần thiết, mục đích và căn cứ pháp lý của phương án trả đũa; nội dung phương án và đánh giá tác động của phương án trả đũa;

b) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Dự thảo quyết định về việc tiến hành phương án trả đũa;

d) Các văn bản, tài liệu liên quan.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Công Thương, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản về hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong trường hợp không nhận được trả lời đúng thời hạn, Bộ Công Thương căn cứ các thông tin sẵn có hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ.

4. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt phương án trả đũa trên cơ sở hồ sơ trình của Bộ Công Thương.

5. Quy trình, thủ tục tiến hành phương án trả đũa thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 112. Tham gia bên liên quan trong các vụ việc phòng vệ thương mại, bên thứ ba trong các vụ việc giải quyết tranh chấp tại Tổ chức thương mại thế giới liên quan đến các biện pháp phòng vệ thương mại

1. Bộ Công Thương xem xét đăng ký tham gia bên liên quan khi nước ngoài điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

2. Bộ Công Thương xem xét đăng ký tham gia bên thứ ba trong các vụ việc giải quyết tranh chấp tại Tổ chức thương mại thế giới trong trường hợp vụ việc có liên quan đến quyền, lợi ích của Việt Nam trong lĩnh vực phòng vệ thương mại. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương tham khảo ý kiến các bộ, ngành liên quan để xem xét đăng ký tham gia.

3. Bộ Công Thương có thể xem xét cung cấp các thông tin, tài liệu trong quá trình tham gia bên thứ ba tại khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của tổ chức, cá nhân với điều kiện các tài liệu, thông tin đó được phép công bố theo quy định của các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 113. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý

1. Bộ Công Thương xem xét sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý trong quá trình thực thi các quy định tại Điều 76 của Luật Quản lý ngoại thương. Các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương trong quá trình lựa chọn dịch vụ tư vấn pháp lý trong trường hợp Bộ Công Thương có đề nghị bằng văn bản.

2. Bộ Công Thương quy định tiêu chí lựa chọn dịch vụ tư vấn pháp lý.

3. Bộ Tài chính bảo đảm ngân sách cho việc sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý trong các hoạt động trợ giúp thương nhân Việt Nam theo quy định tại Điều 76 của Luật Quản lý ngoại thương.

Điều 114. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý, hiệp hội ngành, nghề, thương nhân

1. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý, hiệp hội ngành, nghề, thương nhân dựa trên nguyên tắc sau:

a) Bộ Công Thương chủ trì, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khác, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp kịp thời với Bộ Công Thương trong các hoạt động quy định tại Điều 76 của Luật Quản lý ngoại thương;

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khác tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm về các thông tin, tài liệu, ý kiến đánh giá cung cấp cho Bộ Công Thương khi xử lý các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

2. Nội dung phối hợp được thực hiện như sau:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, trong phạm vi quyền hạn, chức năng, chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, ý kiến đánh giá đúng thời hạn trên cơ sở đề nghị của Bộ Công Thương, giải trình các nội dung khi cơ quan điều tra nước ngoài điều tra tại chỗ theo sự điều phối của Bộ Công Thương;

b) Hiệp hội ngành, nghề phối hợp với Bộ Công Thương theo dõi các thông tin về thị trường xuất khẩu để đánh giá nguy cơ nước ngoài điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, thông báo các thông tin liên quan đến vụ việc nước ngoài điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại tới các thành viên, xem xét tham gia bên liên quan trong vụ việc, thực hiện các hoạt động khác theo đề nghị của Bộ Công Thương;

c) Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, trong phạm vi chức năng, quyền hạn, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn, trợ giúp-thương nhân Việt Nam khi bị nước ngoài điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, thực hiện các hoạt động trợ giúp khác theo đề nghị của Bộ Công Thương;

d) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thu thập, theo dõi thông tin, thông báo của cơ quan liên quan của nước nhập khẩu về các biện pháp phòng vệ thương mại và kịp thời thông báo về Bộ Công Thương, hỗ trợ tìm hiểu các dịch vụ tư vấn pháp lý theo đề nghị của Bộ Công Thương;

đ) Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công Thương trong các hoạt động quy định tại chương này, cung cấp kịp thời số liệu xuất khẩu, nhập khẩu theo đề nghị của cơ quan có liên quan của Bộ Công Thương;

e) Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Công Thương trong các hoạt động quy định tại chương này, chỉ đạo cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chủ động làm việc với cơ quan có liên quan nước nhập khẩu để tìm hiểu, theo dõi, tổng hợp thông tin vụ việc, thông báo kịp thời về Bộ Công Thương và phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng phương án xử lý;

g) Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Công Thương trong các hoạt động quy định tại chương này, phối hợp nghiên cứu, đánh giá các quy định pháp lý của Tổ chức thương mại thế giới, của các nước về các biện pháp phòng vệ thương mại;

h) Thương nhân Việt Nam có văn bản đề nghị trợ giúp có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương trong quá trình xử lý vụ việc, chịu trách nhiệm về các thông tin, tài liệu cung cấp cho Bộ Công Thương.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 115. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm
2. Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 116. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.
2. Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thu, nộp ngân sách nhà nước các khoản thu từ biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, thủ tục hoàn trả thuế phòng vệ thương mại.
3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 117. Quy định chuyển tiếp

Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các vụ việc điều tra chống bán phá giá và rà soát chống bán phá giá, vụ việc điều tra trợ cấp và rà soát trợ cấp, vụ việc điều tra tự vệ và rà soát tự vệ, vụ việc điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, vụ việc phòng vệ thương mại do nước ngoài điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo đã

tiếp nhận hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng, rà soát, khiếu nại đầy đủ và hợp lệ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tiếp tục giải quyết theo quy định của Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ... (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính